



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 8

Số 59 (01/8/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|--|----|
| 15-7-2008 | Quyết định số 3032/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) phường 27, quận Bình Thạnh. | 3 |
| 15-7-2008 | Quyết định số 3033/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận Bình Thạnh. | 11 |

QUẬN 11

- | | | |
|-----------|---|----|
| 11-7-2008 | Nghị quyết số 04/2008/NQ-HĐND về kế hoạch sử dụng đất (2006 - 2010). | 22 |
| 11-7-2008 | Nghị quyết số 05/2008/NQ-HĐND về phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách quận năm 2007, tình hình thực hiện thu - chi ngân sách quận 6 tháng đầu năm 2008 và điều chỉnh bổ sung dự toán ngân sách quận năm 2008. | 28 |

- 11-7-2008 - Nghị quyết số 06/2008/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008. 34

QUẬN GÒ VẤP

- 11-7-2008 - Nghị quyết số 16/2008/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng 6 tháng cuối năm 2008. 39
- 11-7-2008 - Nghị quyết số 17/2008/NQ-HĐND phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2007. 41
- 11-7-2008 - Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND phê duyệt Đề án sắp xếp các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và tinh giản biên chế hành chính quận. 43
- 11-7-2008 - Nghị quyết số 19/2008/NQ-HĐND về điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. 45
- 11-7-2008 - Nghị quyết số 20/2008/NQ-HĐND về quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo quận Gò Vấp đến năm 2020. 46
- 11-7-2008 - Nghị quyết số 21/2008/NQ-HĐND về điều chỉnh cục bộ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu Công viên Văn hóa Gò Vấp tại phường 6, quận Gò Vấp. 48
- 11-7-2008 - Nghị quyết số 22/2008/NQ-HĐND về ban hành Quy chế tổ chức thực hiện và quản lý các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp hẻm trên địa bàn quận Gò Vấp theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. 50

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3032/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch
sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) phường 27,
quận Bình Thạnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh tại Tờ trình số 2949/TTr-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2007 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5018/TTr-TNMT-KH ngày 24 tháng 6 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của phường 27, quận Bình Thạnh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010.

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	HT năm 2005		QH đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		84,99	100,00	84,99	100,00
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP				
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	84,99	100,00	84,99	100,00
2.1	* Đất ở	OTC	26,11	30,72	25,41	29,90
2.1.1	- Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.1.2	- Đất ở tại đô thị	ODT	26,11	100,00	25,41	100,00
2.2	* Đất chuyên dùng	CDG	29,76	35,02	30,46	35,84
2.2.1	- Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,60	2,02	0,68	2,23
2.2.2	- Đất quốc phòng, an ninh	CQA				
2.2.3	- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	9,18	30,85	2,06	6,76
2.2.3.1	+ Đất khu công nghiệp	SKK				
2.2.3.2	+ Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	9,18	100,00	2,06	100,00
2.2.3.3	+ Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.2.3.4	+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX				
2.2.4	- Đất có mục đích công cộng	CCC	19,98	67,14	27,72	91,00
2.2.4.1	+ Đất giao thông	DGT	12,80	64,06	16,83	60,71
2.2.4.2	+ Đất thủy lợi	DTL	0,23	1,15	0,23	0,83
2.2.4.3	+ Đất để chuyển dẫn năng lượng, truyền thông	DNT				
2.2.4.4	+ Đất cơ sở văn hóa	DVH	3,91	19,57	7,68	27,71
2.2.4.5	+ Đất cơ sở y tế	DYT	0,14	0,70	0,06	0,22

2.2.4.6	+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	2,26	11,31	2,28	8,23
2.2.4.7	+ Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT				
2.2.4.8	+ Đất chợ	DCH	0,64	3,20	0,64	2,31
2.2.4.9	+ Đất di tích, danh thắng	LDT				
2.2.4.10	+ Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC				
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN				
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD				
2.5	Đất sông rạch và mặt nước chuyên dùng	SMN	29,12	34,26	29,12	34,26
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD				

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHUYỂN SANG PHI NÔNG NGHIỆP	NNP/PNN	
2	CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NỘI BỘ ĐẤT NÔNG NGHIỆP		
3	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHUYỂN SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP CÓ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG PHẢI ĐẤT Ở	PN0 ^(a) /PN1 ^(a)	
4	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT Ở CHUYỂN SANG ĐẤT Ở	PKT ^(a) /OTC	5,14
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	5,14
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	5,14
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	

c) Diện tích đất phải thu hồi:

1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP						
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	84,99	84,99	84,99	84,99	84,99	84,99
2.1	* Đất ở	OTC	26,11	31,25	31,12	30,16	28,22	25,41
2.1.1	- Đất ở tại nông thôn	ONT						
2.1.2	- Đất ở tại đô thị	ODT	26,11	31,25	31,12	30,16	28,22	25,41
2.2	* Đất chuyên dùng	CDG	29,76	24,62	24,75	25,71	27,65	30,46
2.2.1	- Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,60	0,68	0,68	0,68	0,68	0,68
2.2.2	- Đất quốc phòng, an ninh	CQA						
2.2.3	- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	9,18	4,04	4,04	3,98	3,71	2,06
2.2.3.1	+ Đất khu công nghiệp	SKK						
2.2.3.2	+ Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	9,18	4,04	4,04	3,98	3,71	2,06
2.2.3.3	+ Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.2.3.4	+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX						
2.2.4	- Đất có mục đích công cộng	CCC	19,98	19,90	20,03	21,05	23,26	27,72
2.2.4.1	+ Đất giao thông	DGT	12,80	12,80	12,91	14,09	14,83	16,83
2.2.4.2	+ Đất thủy lợi	DTL	0,23	0,23	0,23	0,23	0,23	0,23
2.2.4.3	+ Đất để chuyển dẫn năng lượng, truyền thông	DNT						
2.2.4.4	+ Đất cơ sở văn hóa	DVH	3,91	3,91	3,91	3,75	5,22	7,68
2.2.4.5	+ Đất cơ sở y tế	DYT	0,14	0,06	0,06	0,06	0,06	0,06
2.2.4.6	+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	2,26	2,26	2,28	2,28	2,28	2,28
2.2.4.7	+ Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT						
2.2.4.8	+ Đất chợ	DCH	0,64	0,64	0,64	0,64	0,64	0,64
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN						

2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD						
2.5	Đất sông rạch và mặt nước chuyên dùng	SMN	29,12	29,12	29,12	29,12	29,12	29,12
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD						

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích	Chia ra các năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHUYÊN SANG PHI NÔNG NGHIỆP	NNP/PNN						
2	CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NỘI BỘ ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NKH/PNN						
3	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHUYÊN SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP CÓ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG PHẢI ĐẤT Ở	RDD/NKR ^(a)						
4	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT Ở CHUYÊN SANG ĐẤT Ở	NTD/PN1(a)	5,14	5,14				
4.1	Đất chuyên dùng	SMN/PN1 ^(a)	5,14	5,14				
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	PKT ^(a) /OTC						
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CDG/OTC						
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CTS/OTC	5,14	5,14				

4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CQA/OTC						
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	CSK/OTC						
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	CCC/OTC						
4.4	Đất sông rạch và mặt nước chuyên dùng	TTN/OTC						
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	NTD/OTC						

3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	LOẠI ĐẤT PHẢI THU HỒI	Mã	Diện tích	Chia ra các năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP						
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	NKN	13,44	5,22	0,13	1,18	2,21	4,70
2.1	Đất ở	OTC	5,84		0,13	0,96	1,94	2,81
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT						
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	5,84		0,13	0,96	1,94	2,81
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	7,60	5,22		0,22	0,27	1,89
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS						
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA						
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	7,12	5,14		0,06	0,27	1,65
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	0,48	0,08		0,16		0,24
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN						
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD						
2.5	Đất sông rạch và mặt nước chuyên dùng	SMN						

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu được duyệt tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 27 quận Bình Thạnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3033/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và
kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận Bình Thạnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh tại Tờ trình số 1743/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2008 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4999/TTr-TNMT- KH ngày 24 tháng 6 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của quận Bình Thạnh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	HT năm 2005		QH đến năm 2010		Tăng (+), giảm (-) so với hiện trạng	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN			2.070,7	100,00	2.070,7	100,00		

1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	229,0	11,06	95,8	4,63	-133,2	-6,43
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	215,8	94,24	95,8	100,00	-120,0	
1.1.1	* Đất trồng cây hàng năm	CHN	190,3	88,77			-190,3	
1.1.1.1	- Đất trồng lúa	LUA	166,6	87,59			-166,6	
1.1.1.1.1	+ Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	165,8	99,52			-165,8	
1.1.1.1.2	+ Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	0,8	0,48			-0,8	
1.1.1.2	- Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNC(a)	23,6	12,41			-23,6	
1.1.2	* Đất trồng cây lâu năm	CLN	25,5	11,83	95,8	100,00	70,3	
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP						
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	13,2	5,76			-13,2	-5,76
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	1.841,7	88,94	1.975,0	95,37	133,3	6,43
2.1	* Đất ở	OTC	930,8	50,54	877,4	44,43	-53,4	-6,12
2.1.1	- Đất ở tại nông thôn	ONT						
2.1.2	- Đất ở tại đô thị	ODT	930,8	100,00	877,4	100,00	-53,4	
2.2	* Đất chuyên dùng	CDG	544,1	29,55	729,6	36,94	185,5	7,40
2.2.1	- Đất trụ sở cơ quan, CTSN	CTS	21,8	4,00	22,3	3,06	0,5	-0,94
2.2.2	- Đất quốc phòng, an ninh	CQA	57,3	10,52	46,1	6,32	-11,2	-4,20
2.2.3	- Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK	111,3	20,45	101,8	13,95	-9,5	-6,50
2.2.3.2	+ Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	111,3	100,00	101,8	100,00	-9,5	
2.2.4	- Đất có mục đích công cộng	CCC	353,8	65,03	559,4	76,67	205,4	11,64

2.2.4.1	+ Đất giao thông	DGT	284,6	80,43	405,3	72,46	120,7	-7,97
2.2.4.2	+ Đất thủy lợi	DTL	13,5	3,81	21,6	3,85	8,1	0,04
2.2.4.3	+ Đất chuyên tải NL, truyền thông	DNT	0,1	0,03	0,2	0,04	0,1	0,01
2.2.4.4	+ Đất cơ sở văn hóa	DVH	14,6	4,12	57,1	10,21	42,5	6,08
2.2.4.5	+ Đất cơ sở y tế	DYT	5,4	1,52	9,8	1,75	4,4	0,23
2.2.4.6	+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	25,6	7,23	39,4	7,04	13,8	-0,19
2.2.4.7	+ Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	4,5	1,27	12,8	2,28	8,3	1,02
2.2.4.8	+ Đất chợ	DCH	2,7	0,76	5,0	0,88	2,3	0,13
2.2.4.9	+ Đất di tích, danh thắng	LDT	1,9	0,54	1,9	0,34	0	-0,20
2.2.4.10	+ Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	1	0,28	6,4	1,14	5,4	0,86
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	26,1	4,81	25,5	1,29	-0,6	-3,51
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	4,3	0,78	1,9	0,09	-2,4	-0,69
2.5	Đất sông rạch và mặt nước CD	SMN	336,2	61,79	340,3	17,23	4,1	-44,56
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,1	0,01	0,3	0,01	0,2	0,00
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD						

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích
1	2	3	4
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHUYỂN SANG PHI NÔNG NGHIỆP	NNP/PNN	133,2
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	120,0
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	99,5

	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	81,2
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	20,6
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP/PNN	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	13,2
2	CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU SD ĐẤT TRONG NỘI BỘ ĐẤT NÔNG NGHIỆP		90,8
2.1	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUC/CLN	84,6
2.2	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất trồng cây lâu năm	HNC/HNC	6,2
3	ĐẤT PNN KHÔNG THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHUYÊN SANG ĐẤT PNN CÓ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG PHẢI ĐẤT Ở	PN0 ^(a) /PN1 ^(a)	16,6
3.1	Đất trụ sở cơ quan	TS0/PN1 ^(a)	1,3
3.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/PN1 ^(a)	9,9
3.3	Đất công cộng không thu tiền sử dụng đất	CC0 ^(a) /PN1 ^(a)	0,2
3.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/PN1 ^(a)	1,7
3.5	Đất sông rạch và mặt nước chuyên dùng	SMN/PN1 ^(a)	3,5
4	ĐẤT PNN KHÔNG PHẢI ĐẤT Ở CHUYÊN SANG ĐẤT Ở	PKT ^(a) /OTC	27,4
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	22,7
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	0,1
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	1,4
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	11,7
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	9,5
4.2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	0,7
4.3	Đất sông rạch và mặt nước chuyên dùng	SMN/OTC	4,0

c) Diện tích đất phải thu hồi

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất phải thu hồi	Mã	Diện tích
1	2	3	4
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	133,2
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	120,0

1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	229,0	207,6	191,4	166,6	119,3	95,8
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	215,8	195,1	179,7	155,9	114,5	95,8
1.1.1	* Đất trồng cây hàng năm	CHN	190,3	173,3	159,9	140,8	104,6	
1.1.1.1	- Đất trồng lúa	LUA	166,6	152,7	140,8	123,9	93,0	
1.1.1.1.1	+ Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	165,8	151,9	140,0	123,2	92,2	
1.1.1.1.2	+ Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8	
1.1.1.2	- Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNC(a)	23,6	20,6	19,1	16,8	11,6	
1.1.2	* Đất trồng cây lâu năm	CLN	25,5	21,8	19,8	15,1	9,9	95,8
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP						
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	13,2	12,5	11,6	10,7	4,8	
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	1.841,7	1.863,1	1.879,3	1.904,0	1.951,3	1.974,9
2.1	* Đất ở	OTC	930,8	940,2	935,8	922,9	908,2	877,4
2.1.1	- Đất ở tại nông thôn	ONT						
2.1.2	- Đất ở tại đô thị	ODT	930,8	940,2	935,8	922,9	908,2	877,4
2.2	* Đất chuyên dùng	CDG	544,1	555,9	578,0	611,9	675,4	729,6
2.2.1	- Đất trụ sở cơ quan, CT SN	CTS	21,7	21,5	21,9	22,1	21,9	22,3
2.2.2	- Đất quốc phòng, an ninh	CQA	57,2	55,5	55,5	53,4	53,4	46,1
2.2.3	- Đất sản xuất, KD PNN	CSK	111,2	100,5	101,7	104,7	106,8	101,7
2.2.3.1	+ Đất khu công nghiệp	SKK						
2.2.3.2	+ Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	111,3	100,5	101,7	104,7	106,8	101,7

2.2.3.3	+ Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.2.3.4	+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX						
2.2.4	- Đất có mục đích công cộng	CCC	353,8	378,4	398,9	431,7	493,3	559,4
2.2.4.1	+ Đất giao thông	DGT	284,6	291,4	306,5	328,0	387,2	405,3
2.2.4.2	+ Đất thủy lợi	DTL	13,5	18,9	18,9	21,0	20,7	21,6
2.2.4.3	+ Đất chuyên tải NL, truyền thông	DNT	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2	0,2
2.2.4.4	+ Đất cơ sở văn hóa	DVH	14,6	25,2	27,0	28,7	30,3	57,1
2.2.4.5	+ Đất cơ sở y tế	DYT	5,4	5,5	5,6	6,5	6,7	9,8
2.2.4.6	+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	25,6	25,6	27,0	28,4	29,5	39,4
2.2.4.7	+ Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	4,5	6,2	6,2	8,2	8,2	12,8
2.2.4.8	+ Đất chợ	DCH	2,7	2,6	2,6	2,7	2,7	4,9
2.2.4.9	+ Đất di tích, danh thắng	LDT	1,9	1,9	1,9	1,9	1,9	1,9
2.2.4.10	+ Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	1,0	1,0	3,0	5,8	5,9	6,4
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	26,1	26,1	26,1	25,8	25,5	25,5
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	4,3	3,2	3,1	2,9	2,3	1,9
2.5	Đất sông rạch và mặt nước CD	SMN	336,2	337,6	336,2	340,2	339,7	340,3
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,3
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD						

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích	Chia ra các năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHUYỂN SANG PHI NÔNG NGHIỆP	NNP/PNN	133,2	21,4	16,2	24,7	47,3	23,5
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	120,0	20,7	15,3	23,8	41,3	18,8
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	99,5	16,9	13,4	19,1	36,2	13,8
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	81,2	13,9	11,9	16,8	31,0	8,4
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	20,6	3,8	1,9	4,7	5,2	5,0
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP/PNN						
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	13,2	0,7	0,8	0,9	6,0	4,8
2	CHUYÊN ĐỔI CƠ CẤU SD ĐẤT TRONG NỘI BỘ ĐẤT NÔNG NGHIỆP		90,8					90,8
2.1	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUC/CLN	84,6					84,6
2.2	Đất trồng cây HNK chuyển sang đất trồng cây lâu năm	HNC/HNC	6,2					6,2
3	ĐẤT PNN KHÔNG THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHUYỂN SANG ĐẤT PNN CÓ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG PHẢI ĐẤT Ở	PN0 ^(a) /PN1 ^(a)	16,6	2,8	1,5	3,0	0,9	8,4

3.1	Đất trụ sở cơ quan	TS0/PN1 ^(a)	1,3	0,5	0,1	0,3	0,2	0,2
3.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/PN1 ^(a)	9,9	0,3		2,3		7,3
3.3	Đất công cộng không thu tiền sử dụng đất	CC0 ^(a) /PN1 ^(a)	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,0
3.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/PN1 ^(a)	1,7	1,0	0,1	0,2	0,2	0,2
3.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/PN1 ^(a)	3,5	0,9	1,2	0,2	0,5	0,6
4	ĐẤT PNN KHÔNG PHẢI ĐẤT Ồ CHUYỂN SANG ĐẤT Ồ	PKT^(a)/OTC	27,4	15,3	3,1	1,7	1,7	5,5
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	22,7	14,3	3,0	1,7	1,2	2,5
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	0,1	0,1			0,1	
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	1,4	1,4				
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	11,7	7,9	2,2	0,8	0,9	
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	9,5	5,0	0,8	0,9	0,4	2,5
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	0,7			0,1	0,1	0,2
4.4	Đất sông rạch và mặt nước chuyên dùng	SMN/OTC	4,0	0,9	0,2			2,9

3. Kế hoạch thu hồi đất

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất phải thu hồi	Mã	Diện tích	Chia ra các năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	6	7	8	9	10
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	133,2	21,4	16,2	24,7	47,3	23,5
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	120,0	20,7	15,3	23,9	41,4	18,8

1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	99,5	16,9	13,4	19,1	36,2	13,8
	<i>Trong đó đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>81,3</i>	<i>13,9</i>	<i>11,9</i>	<i>16,8</i>	<i>31,0</i>	<i>8,4</i>
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	20,6	3,8	1,9	4,7	5,2	4,9
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP						
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	13,2	0,7	0,8	0,9	6,0	4,8
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	182,7	34,1	14,4	29,2	42,0	63,0
2.1	Đất ở	OTC	129,1	14,5	9,9	22,1	36,0	46,5
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT						
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	129,1	14,5	9,9	22,1	36,0	46,5
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	50,6	18,5	4,3	6,6	4,9	16,1
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, CT sự nghiệp	CTS	1,3	0,5	0,1	0,3	0,2	0,2
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	11,3	1,7		2,3		7,3
2.2.3	Đất sản xuất, KD phi nông nghiệp	CSK	35,2	16,0	3,7	3,5	4,3	7,7
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	2,8	0,3	0,5	0,5	0,5	1,0
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,7	0,1	0,1	0,2	0,4	
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	2,4	1,0	0,1	0,2	0,6	0,0

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu đã được duyệt tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố,

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

QUẬN 11

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 11**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2008/NQ-HĐND

Quận 11, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch sử dụng đất (2006 - 2010)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 11
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ, Thông tư số 30/2004/TT-BTNMT ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch số 4595/UB-ĐT ngày 06 tháng 8 năm 2004 và Văn bản số 4668/UBND-ĐT ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về lập và triển khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Sau khi nghe và xem xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về kế hoạch sử dụng đất năm 2006 - 2010; báo cáo thẩm định của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với kế hoạch sử dụng đất năm 2006 - 2010 theo Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận với các nội dung sau:

1.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2005		Kế hoạch đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		513,94	100,00	513,94	100,00
1	Đất phi nông nghiệp	PNN	513,04	100,00	513,94	100,00
1.1	Đất ở	OTC	240,90	46,96	248,65	48,38
1.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-
1.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	240,90	100,00	248,65	100,00
1.2	Đất chuyên dùng	CDG	253,89	49,49	246,31	47,93
1.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	5,27	2,08	5,93	2,41
1.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	2,52	0,99	2,38	0,97
1.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	40,18	15,83	18,22	7,40
1.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-
1.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	40,18	100,00	18,22	100,00
1.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-
1.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	-	-	-	-
1.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	205,92	81,11	219,77	89,23
1.2.4.1	Đất giao thông	DGT	124,40	60,41	133,71	60,84
1.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	-	-	-	-
1.2.4.3	Đất để chuyên dẫn năng lượng, truyền thông	DNT	0,68	0,33	0,64	0,29
1.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	26,27	12,76	24,70	11,24
1.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	1,36	0,66	1,36	0,62
1.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	12,58	6,11	19,92	9,06

1.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	35,82	17,40	35,82	16,30
1.2.4.8	Đất chợ	DCH	1,17	0,57	1,17	0,53
1.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	2,37	1,15	2,37	1,08
1.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	1,27	0,62	0,08	0,04
1.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	8,30	1,62	8,11	1,58
1.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	-	-	-	-
1.5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN	9,95	1,94	10,87	2,12
1.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-

1.2. Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch:

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất phi nông nghiệp	PNN	476,20
1.1	Đất ở	OTC	231,98
1.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-
1.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	231,98
1.2.2	Đất chuyên dùng	CDG	226,16
1.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	5,14
1.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	2,38
1.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	18,03
1.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-
1.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	18,03
1.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	-
1.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	-
1.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	200,61
1.2.4.1	Đất giao thông	DGT	122,61
1.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	-
1.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, truyền thông	DNT	0,68

1.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	24,26
1.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	1,35
1.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	12,31
1.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	35,82
1.2.4.8	Đất chợ	DCH	1,17
1.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	2,37
1.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	1,27
1.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	8,11
1.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	-
1.5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN	9,95
1.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-

1.3. Diện tích phải thu hồi trong kỳ quy hoạch:

Thứ tự	Loại đất phải thu hồi	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất phi nông nghiệp	NKN	34,46
1.1	Đất ở	OTC	8,73
1.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-
1.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	8,73
1.2	Đất chuyên dùng	CDG	25,53
1.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,13
1.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	-
1.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	22,63
1.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	2,77
1.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,19
1.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	-
1.5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN	-
1.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

1.4. Nội dung kế hoạch phân bổ sử dụng đất hàng năm giai đoạn 2006 - 2010:

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích đến năm (ha)				
			Năm 20.06	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng diện tích đất tự nhiên			513,940	513,940	513,940	513,940	513,940
1	Đất phi nông nghiệp	PNN	513,940	513,940	513,940	513,940	513,940
1.1	Đất ở	OTC	241,800	242,551	250,680	249,712	248,652
1.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT					
1.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	241,800	242,551	250,680	249,712	248,652
1.2	Đất chuyên dùng	CDG	253,890	253,139	244,238	245,212	246,309
1.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	5,270	5,299	5,936	5,932	5,929
1.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	2,520	2,520	2,384	2,384	2,384
1.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	40,180	38,444	19,518	19,287	18,222
1.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK					
1.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	40,180	38,444	19,518	19,287	18,222
1.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS					
1.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX					
1.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	205,920	206,875	216,400	217,609	219,774
1.2.4.1	Đất giao thông	DGT	124,400	124,334	130,323	131,532	133,714
1.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL					0,000

1.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, truyền thông	DNT	0,680	0,680	0,640	0,640	0,640
1.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	26,270	26,270	24,696	24,696	24,696
1.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	1,360	1,360	1,365	1,365	1,365
1.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	12,580	13,601	19,932	19,932	19,915
1.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	35,820	35,820	35,820	35,820	35,820
1.2.4.8	Đất chợ	DCH	1,170	1,170	1,170	1,170	1,170
1.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	2,370	2,370	2,370	2,370	2,370
1.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC	1,270	1,270	0,084	0,084	0,084
1.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	8,300	8,300	8,148	8,142	8,106
1.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
1.5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN	9,950	9,950	10,874	10,874	10,874
1.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000

Điều 2. Hội đồng nhân dân quận giao cho Ủy ban nhân dân quận trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất năm 2006 - 2010 đã được Hội đồng nhân dân quận thông qua lập dự án quy hoạch sử dụng đất đến 2010 định hướng 2020 và kế hoạch sử dụng đất 2006 - 2010 để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 11 khóa IX, kỳ họp thứ 15 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Dương Công Khanh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 11**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2008/NQ-HĐND

Quận 11, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Về phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách quận năm 2007,
tình hình thực hiện thu - chi ngân sách quận 6 tháng đầu năm 2008
và điều chỉnh bổ sung dự toán ngân sách quận năm 2008**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 11
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Sau khi xem xét Báo cáo quyết toán thu - chi ngân sách quận năm 2007, tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm và điều chỉnh bổ sung dự toán ngân sách năm 2008; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-B.KTXH ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách quận năm 2007 như sau:

1. Về thu ngân sách:

a) Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận cả năm là 373,154 tỷ đồng, đạt 113,42% dự toán năm. Nếu không kể số ghi thu thì số thu ngân sách nhà nước năm 2007 là 356,152 tỷ đồng, đạt 108,25% dự toán năm.

b) Quyết toán thu ngân sách quận năm 2007 là: 258,716 tỷ đồng, đạt 161% dự toán năm. Nếu không kể số ghi thu và số kết dư năm trước chuyển sang thì quyết toán thu ngân sách quận là 191,127 tỷ đồng, đạt 119% dự toán năm.

Quyết toán thu ngân sách quận gồm các khoản:

- + Thu phân chia cho ngân sách là 108,662 tỷ đồng.
- + Thu chuyển nguồn từ năm trước là 7,367 tỷ đồng.
- + Thu bổ sung từ ngân sách thành phố là 75,098 tỷ đồng.
- + Thu kết dư ngân sách là 50,587 tỷ đồng.
- + Ghi thu ngân sách là 17,002 tỷ đồng.

2. Về chi ngân sách:

a) Quyết toán chi ngân sách quận năm 2007 là 203,331 tỷ đồng, đạt 124% dự toán Thành phố giao và đạt 117% dự toán Hội đồng nhân dân quận giao. Nếu không kể số ghi chi thì quyết toán chi ngân sách quận năm 2007 là 186,329 tỷ đồng, đạt 114% dự toán Thành phố giao và đạt 108% dự toán Hội đồng nhân dân quận giao.

b) Quyết toán chi ngân sách quận gồm các khoản chi:

- Chi đầu tư phát triển: 31,106 tỷ đồng, đạt 146% dự toán năm.
- Chi thường xuyên: 155,223 tỷ đồng, đạt 102% dự toán năm.
- Ghi chi ngân sách: 17,002 tỷ đồng.

3. Kết dư ngân sách:

a) Kết dư ngân sách quận năm 2007 là: 55,385 tỷ đồng.

Trong đó: - Kết dư ngân sách cấp quận: 48,915 tỷ đồng.

- Kết dư ngân sách cấp phường: 6,470 tỷ đồng.

b) Trong kết dư ngân sách quận có các khoản chưa chi chuyển tiếp năm sau như:

- Nguồn kinh phí đầu tư thuộc ngân sách quận: 4,453 tỷ đồng.
- Chi đầu tư xây dựng cơ bản chuyển tiếp sang năm sau: 1,047 tỷ đồng.
- Thu tiền thuê nhà sở hữu nhà nước: 1,497 tỷ đồng.
- Mua sắm trang thiết bị chuyên môn theo yêu cầu Sở Y tế cho Bệnh viện quận, Trung tâm Y tế Dự phòng quận: 1,687 tỷ đồng.
- Kinh phí thành phố bổ sung cho công tác dịch vụ vệ sinh đô thị: 1,092 tỷ đồng.

(Đính kèm biểu quyết toán thu - chi ngân sách quận năm 2007)

Điều 2. Ghi nhận kết quả tình hình thu - chi ngân sách quận 6 tháng đầu năm 2008 như sau

1. Về thu ngân sách:

a) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2008 là 239,579 tỷ đồng, đạt 58% dự toán năm và bằng 148% cùng kỳ.

b) Thu ngân sách quận ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2008 là 113,44 tỷ đồng, đạt 69% dự toán năm và bằng 129% cùng kỳ.

2. Về chi ngân sách:

a) Tổng chi ngân sách quận ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2008 là 92,5 tỷ đồng, đạt 50% dự toán năm và bằng 121% cùng kỳ.

b) Chi ngân sách quận bao gồm các nội dung:

- Chi đầu tư phát triển: 6,5 tỷ đồng, đạt 30% dự toán năm.

- Chi thường xuyên: 86,02 tỷ đồng, đạt 53% dự toán năm.

Điều 3. Nhất trí phê duyệt bổ sung dự toán chi ngân sách quận năm 2008 theo đề nghị của Ủy ban nhân dân quận là: 18,427 tỷ đồng, từ nguồn ngân sách thành phố bổ sung (7,295 tỷ đồng), nguồn 50% tăng thu dự toán 2008 so dự toán 2007 (5,108 tỷ đồng), tiết kiệm 10% chi thường xuyên (4,118 tỷ đồng) và nguồn kết dư ngân sách quận (1,906 tỷ đồng).

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 4.

1. Ủy ban nhân dân quận căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận về phê duyệt bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2008, giao bổ sung dự toán ngân sách cho các cơ quan, đơn vị; đồng thời tăng cường kiểm tra, thực hiện nghiêm túc chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách và kiên quyết xuất toán những trường hợp chi sai quy định.

2. Giao Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận giám sát việc thực hiện dự toán ngân sách năm 2008, đảm bảo quyết toán đúng chính sách và quy định của pháp luật; thẩm định trình Hội đồng nhân dân quận phê chuẩn quyết toán ngân sách quận năm 2008 tại kỳ họp giữa năm 2009.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân quận 11 khóa IX, kỳ họp thứ 15 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Dương Công Khanh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH QUẬN NĂM 2008

(Kèm theo Nghị quyết số 05/2008/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2008
của Hội đồng nhân dân quận 11)

DVT: ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	DT đã giao năm 2008	DT điều chỉnh bổ sung	DT sau khi điều chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG	184.493.000	18.427.000	202.920.000	
I	Chi đầu tư phát triển	21.730.000	-3.684.000	18.046.000	
	- Nguồn TP phân cấp	14.130.000		14.130.000	
	- Nguồn NS quận	7.600.000	-3.684.000	3.916.000	
II	Chi thường xuyên	162.763.000	22.111.000	184.874.000	
1	Sự nghiệp kinh tế	18.741.000	0	18.741.000	
	- SN kiến thiết thị chính	11.651.000		11.651.000	
	Tr.đó: tiền điện chiếu sáng dân lập	1.415.000		1.415.000	
	- SN giao thông	6.590.000		6.590.000	
	<i>Tr.đó: chi công trình chuyển tiếp</i>	<i>2.830.000</i>		<i>2.830.000</i>	
	- SN kinh tế khác	500.000		500.000	
	Trong đó: + SN QLĐT & quy hoạch	200.000		200.000	
	+ SN tài nguyên môi trường	100.000		100.000	
	+ Phòng cháy, chữa cháy	200.000		200.000	
2	SN giáo dục - đào tạo	60.521.000	16.069.000	76.590.000	

	- SN giáo dục phổ thông (Tr.đó: SC 1 tỷ)	58.971.000	16.069.000	75.040.000	
	- Trung tâm BDCT	1.100.000		1.100.000	
	- Đào tạo lại	300.000		300.000	
	- Trung tâm dạy nghề	150.000		150.000	
3	Sự nghiệp y tế	12.268.000	1.524.000	13.792.000	
	- Bệnh viện quận	4.750.000	610.000	5.360.000	
	- Trung tâm Y tế Dự phòng	7.518.000	914.000	8.432.000	
4	SN dân số, GD và TE	759.000	0	759.000	
5	Sự nghiệp văn hóa nghệ thuật	2.355.000	40.000	2.395.000	
	+ Trung tâm Văn hóa	1.470.000		1.470.000	
	+ Nhà Thiếu nhi	750.000	40.000	790.000	
	+ Văn hóa thông tin	135.000		135.000	
6	Sự nghiệp thể dục thể thao	1.550.000	0	1.550.000	
7	Sự nghiệp xã hội	4.392.000	1.735.000	6.127.000	
	- Trợ cấp dân nghèo	660.000	770.000	1.430.000	
	- Trợ cấp diện chính sách	1.714.000	965.000	2.679.000	
	- Cứu tế khác	1.868.000		1.868.000	
	- Chi phòng, chống tệ nạn xã hội	150.000		150.000	
8	Quản lý nhà nước	9.990.000	1.850.000	11.840.000	
	- Hội đồng nhân dân	250.000		250.000	
	- Quản lý nhà nước	8.140.000	1.850.000	9.990.000	
	- QLNN ngoài khoán	1.600.000		1.600.000	
9	Chi khen thưởng cấp quận	412.000	0	412.000	
10	Thanh tra Xây dựng		3.011.000	3.011.000	
11	Đoàn thể	2.358.000	377.000	2.735.000	
	+ Mặt trận Tổ quốc	600.000	110.000	710.000	

	+ Quận đoàn	600.000	157.000	757.000	
	+ Hội Liên hiệp Phụ nữ	550.000	10.000	560.000	
	+ Hội Cựu Chiến binh	200.000	50.000	250.000	
	+ Hội Chữ thập đỏ	270.000	50.000	320.000	
	+ Đoàn thể khác	138.000		138.000	
12	Quốc phòng - An ninh	5.770.000	881.000	6.651.000	
	- Quốc phòng	2.570.000	505.000	3.075.000	
	- An ninh	2.950.000	176.000	3.126.000	
	Trong đó: mua 06 xe chuyên dùng	750.000	176.000	926.000	
	- Chi phòng, chống tội phạm	250.000	200.000	450.000	
13	Chi khác (hỗ trợ đơn vị TW, TP...)	2.357.000	0	2.357.000	
	- Viện Kiểm sát	140.000		140.000	
	- Tòa án nhân dân	250.000		250.000	
	- Đội Thi hành án dân sự	300.000		300.000	
	- Kho bạc Nhà nước	120.000		120.000	
	- Chi cục Thuế	290.000		290.000	
	- Trích ủy nhiệm thu thuế nhà đất	200.000		200.000	
	- Phòng Thống kê	100.000		100.000	
	- Liên đoàn Lao động	60.000		60.000	
	- TTCSPCCC - khu vực 7 (mua xe)	150.000		150.000	
	- Các đơn vị khác (trợ cấp tết, 20/11...)	747.000		747.000	
14	Chi ngân sách phường	31.700.000	5.714.000	37.414.000	
	Tr.đó: quỹ khen thưởng	160.000		160.000	
15	Hỗ trợ các quỹ	500.000		500.000	
16	Dự phòng	6.682.000	-6.682.000	0	
17	Chi tăng lương	2.408.000	-2.408.000	0	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 11****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2008/NQ-HĐND

Quận 11, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT
Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 11**
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết kỳ họp thứ 13 (số 08/2007/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2007) của Hội đồng nhân dân quận khóa IX về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008;

Xét nội dung báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân quận, các báo cáo của Ủy ban nhân dân quận, báo cáo của các cơ quan Tư pháp, báo cáo thẩm định của hai Ban Hội đồng nhân dân (Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế), phát biểu của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận về tham gia xây dựng chính quyền và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí báo cáo của Ủy ban nhân dân quận và báo cáo của các cơ quan hữu quan về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2008 và phương hướng nhiệm vụ, các chỉ tiêu, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008.

Hội đồng nhân dân quận nhấn mạnh một số nội dung sau đây:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2008:

Trong 6 tháng đầu năm 2008, mặc dù có sự biến động giá sắt thép xây dựng, giá vàng và giá một số mặt hàng thiết yếu; ảnh hưởng của tái phát dịch cúm gia cầm,

nhưng tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn quận vẫn tiếp tục phát triển, ổn định và có chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực, hầu hết các nhiệm vụ chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận đề ra đều đạt kết quả khá, cụ thể như sau:

- Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 8,8% so cùng kỳ. Doanh thu thương mại - dịch vụ tăng 28,15%. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 69% dự toán năm (113/165,453 tỷ đồng) tăng 29% so cùng kỳ (113/88 tỷ đồng).

- Về đầu tư xây dựng cơ bản: đã hoàn thành đưa vào sử dụng Trường Mầm non 8; tiếp tục thi công các công trình: khu A - chung cư Phú Thọ, Trường Tiểu học Hưng Việt, Trường THPT Lương Thế Vinh (Trần Quang Khải); Điểm sinh hoạt văn hóa phường 14, công viên sau trụ sở Ủy ban nhân dân quận; trình duyệt thiết kế cơ sở và lập dự án Trường Lê Anh Xuân, trình duyệt dự án Trường Âu Cơ, trình duyệt hồ sơ mời thầu thiết bị khu A - chung cư Phú Thọ, tổ chức đấu thầu thiết bị Trường THPT Lương Thế Vinh, Trường Tiểu học Hưng Việt. Điều chỉnh dự án để trình duyệt hồ sơ mời thầu xây lắp công trình Trường Mầm non 2; điều chỉnh dự toán tổ chức đấu thầu lại công trình trụ sở Ủy ban nhân dân phường 3, Phường đội 1, Phường đội 4.

- Về công tác quy hoạch: đã hoàn tất trình các Sở - ngành thành phố danh mục các công trình, dự án sử dụng đất giai đoạn 2006 - 2010 và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến 2020; hoàn thiện nhiệm vụ quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 của quận và điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 các cụm phường; đã phê duyệt quy hoạch mạng lưới trường lớp đến năm 2020 và ban hành quyết định điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hẻm giới của 16 phường với 185 hẻm được điều chỉnh.

- Về lĩnh vực xã hội tiếp tục có chuyển biến tích cực: 100% học sinh hoàn thành bậc tiểu học (3.699/3.699 em) tăng 0,2% so năm học trước, 100% tốt nghiệp trung học cơ sở (3.410/3.410 em). Công tác giải quyết việc làm, chăm lo đời sống cho gia đình chính sách và nhân dân lao động nghèo, các phong trào văn hóa, thể dục thể thao được thực hiện tốt. Triển khai kế hoạch “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” bước đầu đã có kết quả chuyển biến tích cực. Tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội tiếp tục được giữ vững, ổn định. Công tác tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí được tập trung triển khai.

Tuy nhiên cũng còn một số tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới: Tiến độ thẩm định bản vẽ phục vụ cho công tác cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở và cấp phép xây dựng còn chậm. Tình hình trật tự đô thị, vệ sinh

môi trường, rác thải vẫn chưa được thực hiện tốt. Các tệ nạn xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp.

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2008:

1. Ủy ban nhân dân cần tập trung chỉ đạo các công tác trọng tâm, trọng điểm nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008 mà Nghị quyết kỳ họp lần thứ 13 của Hội đồng nhân dân quận khóa IX đã xác định.

2. Duy trì tốc độ tăng trưởng và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng gia tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch phát triển thương mại dịch vụ - sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đến năm 2010, tầm nhìn đến 2015. Tăng cường công tác kiểm tra sau đăng ký kinh doanh, đẩy mạnh thực hiện công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại, chống làm hàng gian, hàng giả. Phấn đấu đảm bảo giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 7% trở lên và doanh thu thương mại - dịch vụ tăng 25% trở lên so với thực hiện năm 2007.

3. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra kê khai thuế của các doanh nghiệp theo Luật Quản lý thuế; tích cực thu hồi nợ đọng; triển khai thực hiện cải cách, hiện đại hóa công tác quản lý thuế..., đảm bảo hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2008 là 414 tỷ đồng.

4. Tổ chức triển khai có hiệu quả chương trình phát triển và quản lý đô thị, trong đó tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm. Hoàn tất điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000, quy hoạch hẻm giới; đảm bảo hoàn tất các dự án sửa chữa trường lớp nhằm phục vụ năm học mới; tập trung thực hiện các công trình xây dựng, sửa chữa trụ sở, cơ quan và các tuyến hẻm theo kế hoạch. Tiếp tục thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, công tác cấp giấy phép xây dựng đảm bảo đúng thời hạn quy định. Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra quản lý xây dựng của Thanh tra Xây dựng quận và 16 phường, đảm bảo không để xảy ra tình trạng xây dựng không phép, hạn chế thấp nhất việc xây dựng sai phép.

5. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục, tiến hành rà soát chuẩn bị chặt chẽ các hồ sơ thủ tục phục vụ cho việc kiểm tra công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục bậc trung học vào cuối năm 2008. Chuẩn bị tốt các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ năm học mới; thực hiện tốt công tác tuyển sinh, vận động học sinh ra lớp đúng độ tuổi, hạn chế tối đa tình trạng học sinh nghỉ, bỏ học.

6. Tổ chức tốt các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho các gia đình chính sách. Tiến hành kiểm tra rà soát kết quả thực hiện các chỉ tiêu nâng chuẩn và giảm hộ nghèo, chuẩn bị hồ sơ thủ tục phục vụ cho công tác kiểm tra của Thành phố thẩm định công nhận quận hoàn thành mục tiêu xóa nghèo giai đoạn 2. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong nhân dân, vệ sinh môi trường nhằm thực hiện tốt công tác phòng, chống các dịch bệnh.

7. Đẩy mạnh công tác tổ chức kiểm tra và sơ kết thực hiện kế hoạch “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”; tập trung tuyên truyền, tập huấn về giao tiếp ứng xử văn hóa nơi công sở, trong cộng đồng dân cư. Thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, các tiêu chuẩn xây dựng văn hóa cơ sở, thực hiện mô hình “xã, phường phù hợp trẻ em”, “phường, xã lành mạnh cơ bản không còn mại dâm, ma túy”. Kiểm tra, rà soát hoạt động quản lý, hỗ trợ đối tượng sau cai; tăng cường hiệu quả công tác theo dõi, quản lý học viên được giải quyết tái hòa nhập cộng đồng, tạo điều kiện giải quyết việc làm nhằm ổn định cuộc sống, ngăn chặn nguy cơ tái nghiện.

8. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp; đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, tiếp tục thực hiện mục tiêu chương trình 3 giảm. Tập trung truy quét, trấn áp các tội phạm và tệ nạn xã hội, giảm thiểu tai nạn và ùn tắc giao thông. Tổ chức tốt công tác huấn luyện, Hội thao quốc phòng theo kế hoạch đề ra; thực hiện tốt công tác giao quân vào tháng 9/2008 đảm bảo chỉ tiêu và chất lượng. Tiếp tục thực hiện kế hoạch phòng, chống tham nhũng, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các ngành, các cấp.

9. Tổ chức sắp xếp các phòng, ban theo Nghị định số 14/2008/NĐ-CP của Chính phủ và sắp xếp cán bộ, công chức phường theo tiêu chuẩn quy định của Nghị định số 114/2003/NĐ-CP, 121/2003/NĐ-CP của Chính phủ. Xây dựng và triển khai kế hoạch tinh giảm biên chế theo tinh thần Nghị định số 132/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động thiết thực chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn trong 6 tháng cuối năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân quận giao cho Ủy ban nhân dân quận có kế hoạch chỉ đạo điều hành thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008.

2. Giao cho Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân phối hợp thực hiện giám sát các hoạt động về kinh tế - xã hội

của Ủy ban nhân dân quận nhằm kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh những thiếu sót trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường và các đoàn thể nhân dân phối hợp với Hội đồng nhân dân cùng với các cơ quan nhà nước vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

4. Hội đồng nhân dân quận kêu gọi đồng bào các giới, cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang, các ngành, các đơn vị nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính năng động, sáng tạo, khắc phục khó khăn quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2008.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 11 khóa IX, kỳ họp thứ 15 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Dương Công Khanh

QUẬN GÒ VẤP**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2008/NQ-HĐND

*Gò Vấp, ngày 11 tháng 7 năm 2008***NGHỊ QUYẾT****Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng 6 tháng cuối năm 2008****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, các báo cáo, tờ trình của Ủy ban nhân dân, báo cáo của các ngành, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, báo cáo thẩm tra của hai Ban Hội đồng nhân dân quận và ý kiến phát biểu thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân quận về tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2008 và chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2008. Nhất trí với báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng 6 tháng đầu năm 2008, báo cáo quyết toán ngân sách quận năm 2007 và nhiệm vụ chỉ tiêu chủ yếu 6 tháng cuối năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.

Điều 2. Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2008

Phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những mặt còn hạn chế trong 6 tháng đầu năm 2008, toàn bộ hệ thống chính trị từ quận đến phường, các ngành, các cấp, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và các tầng lớp nhân dân chung sức phấn đấu nỗ lực tập trung mọi nguồn lực quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ 6

tháng cuối năm 2008, để hoàn thành việc thực hiện các chỉ tiêu về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng mà Nghị quyết đã đề ra trong năm 2008.

Điều 3. Hội đồng nhân dân quận giao Ủy ban nhân dân quận xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, thực hiện tốt những giải pháp chủ yếu đã nêu tại kỳ họp để thực hiện tốt nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng 6 tháng cuối năm 2008; nhằm góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng năm 2008.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp khóa IX thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân quận lần thứ 10, ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Kim Hiếu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2008/NQ-HĐND

Gò Vấp, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT**Phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2007****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Sau khi nghe và xem xét báo cáo và tờ trình phê duyệt quyết toán ngân sách quận Gò Vấp năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và các ý kiến thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí với báo cáo của Ủy ban nhân dân quận về quyết toán ngân sách năm 2007 với các khoản thu, chi như sau:

1. Thu ngân sách:

a) Thu ngân sách nhà nước: **603,427** tỷ đồng đạt **149,44%** so với dự toán thành phố giao và bằng **142,32%** so với thực hiện năm 2006, *trong đó: ghi thu 25,132 tỷ đồng;*

b) Thu ngân sách địa phương: **406,51** tỷ đồng đạt **136,56%** so dự toán thành phố giao và bằng **149,66%** so với thực hiện năm 2006, *trong đó: ghi thu 25,132 tỷ đồng;*

c) Thu ngân sách quận: **376,881** tỷ đồng đạt **130,78%** so với dự toán thành phố giao và bằng **151,15%** so với thực hiện năm 2006, *trong đó: ghi thu 25,132 tỷ đồng;*

d) Thu ngân sách phường: **64,831** tỷ đồng đạt **158,30%** so với dự toán thành phố giao và bằng **174,07%** so với thực hiện năm 2006;

2. Chi ngân sách:

a) Chi ngân sách địa phương: **288,647** tỷ đồng (loại trừ số bổ sung từ ngân sách quận cho ngân sách phường **35,202** tỷ đồng) đạt **96,97%** so với dự toán thành phố giao và bằng **118,07%** so với thực hiện năm 2006, *trong đó: ghi chi 25,132 tỷ đồng;*

b) Chi ngân sách quận: **280,242** tỷ đồng đạt **97,24%** so với dự toán thành phố giao và bằng **122,09%** so với thực hiện năm 2006, *trong đó: ghi chi 25,132 tỷ đồng;*

c) Chi ngân sách phường: **43,607** tỷ đồng đạt **106,48%** so với dự toán thành phố giao và bằng **145,81%** so với thực hiện năm 2006.

3. Kết dư ngân sách:

a) Ngân sách quận: **96,640** tỷ đồng;

b) Ngân sách phường: **21,224** tỷ đồng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân quận giao cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện báo cáo quyết toán ngân sách năm 2007 và công khai theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp khóa IX thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân quận lần thứ 10, ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Kim Hiếu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2008/NQ-HĐND

Gò Vấp, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt Đề án sắp xếp các phòng, ban chuyên môn thuộc
Ủy ban nhân dân và tinh giản biên chế hành chính quận**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Trên cơ sở xem xét tờ trình và Đề án sắp xếp các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và tinh giản biên chế hành chính quận của Ủy ban nhân dân quận trình bày tại kỳ họp, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và các ý kiến phát biểu thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân quận nhất trí với Đề án sắp xếp các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và tinh giản biên chế hành chính quận mà Ủy ban nhân dân đã trình tại kỳ họp.

Điều 2. Hội đồng nhân dân quận giao Ủy ban nhân dân quận hoàn chỉnh Đề án, hoàn tất thủ tục trình Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp khóa IX thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân quận lần thứ 10, ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Kim Hiếu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2008/NQ-HĐND

Gò Vấp, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Gò Vấp,
thành phố Hồ Chí Minh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét tờ trình của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp trình Hội đồng nhân dân quận về Đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và các ý kiến phát biểu thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xét thấy lý do và sự cần thiết phải điều chỉnh quy hoạch đã nêu trong tờ trình là hợp lý.

Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp nhất trí với tờ trình của Ủy ban nhân dân quận trình Hội đồng nhân dân quận về Đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân quận giao Ủy ban nhân dân quận hoàn chỉnh Đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Gò Vấp và đảm bảo thực hiện đúng quy trình để trình Thành phố phê duyệt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp khóa IX thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân quận lần thứ 10, ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Kim Hiếu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2008/NQ-HĐND

Gò Vấp, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Về quy hoạch phát triển mạng lưới trường học
ngành giáo dục và đào tạo quận Gò Vấp đến năm 2020**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét tờ trình của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp trình Hội đồng nhân dân quận về quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo quận Gò Vấp đến năm 2020, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và các ý kiến phát biểu thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xét thấy mục tiêu về quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo quận Gò Vấp đến năm 2020 là hết sức cần thiết nhằm nâng cao giáo dục toàn diện, đổi mới hệ thống trường lớp, thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa ngành giáo dục và đào tạo.

Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp nhất trí với tờ trình của Ủy ban nhân dân quận trình Hội đồng nhân dân quận về quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo quận Gò Vấp đến năm 2020.

Điều 2. Hội đồng nhân dân quận giao Ủy ban nhân dân quận hoàn chỉnh Đồ án quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo quận Gò Vấp đến năm 2020, đảm bảo thực hiện đúng quy trình đề trình Thành phố phê duyệt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp khóa IX thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân quận lần thứ 10, ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Kim Hiếu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2008/NQ-HĐND

Gò Vấp, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh cục bộ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết
xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu Công viên Văn hóa Gò Vấp
tại phường 6, quận Gò Vấp**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét tờ trình của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp trình Hội đồng nhân dân quận về điều chỉnh cục bộ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu Công viên Văn hóa Gò Vấp tại phường 6, quận Gò Vấp, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và các ý kiến phát biểu thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xét thấy dự án Công viên Văn hóa Gò Vấp là một trong những công trình trọng điểm của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận, cần phải đầu tư sớm đưa vào khai thác sử dụng để phục vụ cho nhân dân quận Gò Vấp nói riêng và thành phố nói chung. Ủy ban nhân dân thành phố cũng đã chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Công viên Văn hóa Gò Vấp bằng hình thức xã hội hóa nguồn vốn đầu tư theo đề nghị của Ủy ban nhân dân quận. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư có điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, việc điều chỉnh cục bộ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu Công viên Văn hóa Gò Vấp tại phường 6, quận Gò Vấp là cần thiết.

Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp nhất trí với tờ trình của Ủy ban nhân dân quận trình Hội đồng nhân dân quận về điều chỉnh cục bộ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 Khu Công viên Văn hóa Gò Vấp tại phường 6, quận Gò Vấp.

Điều 2. Hội đồng nhân dân quận giao Ủy ban nhân dân quận hoàn chỉnh đồ án điều chỉnh cục bộ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/500 Khu Công viên Văn hóa Gò Vấp tại phường 6, quận Gò Vấp, đảm bảo thực hiện đúng quy trình đề trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố thẩm định và Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp khóa IX thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân quận lần thứ 10, ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Kim Hiếu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2008/NQ-HĐND

Gò Vấp, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành Quy chế tổ chức thực hiện và quản lý
các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp hẻm trên địa bàn quận Gò Vấp theo
phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
KHÓA IX, KỲ HỌP LẦN THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét tờ trình và dự thảo quy chế của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp trình Hội đồng nhân dân quận về ban hành Quy chế tổ chức thực hiện và quản lý các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp hẻm trên địa bàn quận Gò Vấp theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và các ý kiến phát biểu thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận và nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận về nâng cấp và mở rộng mạng lưới hẻm trên địa bàn quận, việc ban hành Quy chế tổ chức thực hiện và quản lý các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp hẻm trên địa bàn quận Gò Vấp theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” trong tờ trình là hợp lý.

Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp nhất trí với tờ trình của Ủy ban nhân dân quận trình Hội đồng nhân dân quận về ban hành Quy chế tổ chức thực hiện và quản lý các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp hẻm trên địa bàn quận Gò Vấp theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”

Điều 2. Hội đồng nhân dân quận giao Ủy ban nhân dân quận tiếp thu ý kiến của

các đại biểu, bổ sung, hoàn chỉnh quy chế, ban hành quyết định và tổ chức triển khai, thực hiện Quy chế này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp khóa IX thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân quận lần thứ 10, ngày 11 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Kim Hiếu

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng